

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa, số 396/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để thực hiện di dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7357/SXD-HĐXD ngày 24/10/2023, kèm theo thông báo kết quả thẩm định số 7272/SXD-HĐXD ngày 20/10/2023 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước tại Tờ trình số 241/TTr-BQLDA ngày 25/8/2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Tên chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước.

4. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu tái định cư liên kề cho 22 hộ dân nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước; đồng thời, từng bước ổn định đời sống cho Nhân dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, phát huy hiệu quả của đầu tư cơ sở hạ tầng, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố an ninh, quốc phòng.

5. Nội dung và quy mô đầu tư:

Đầu tư khu tái định cư liên kề cho 22 hộ dân, gồm các hạng mục chính:

5.1. Giải pháp thiết kế san lấp mặt bằng:

- Phần san nền gồm 03 phần, san nền tạo mặt bằng khu tái định cư và san nền tạo khuôn đường nội bộ trong nội khu và đường ngoại khu. Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế. Cao độ thiết kế san nền được lựa chọn đảm bảo yêu cầu thoát nước của công trình đồng thời khối lượng san nền là ít nhất. Toàn bộ khu san nền có hướng dốc thoát nước ra khu xung quanh, lân cận. San nền thành từng lớp để đảm bảo độ đầm chặt K95.

- Kè đá: Kè bằng đá hộc xây vữa xi măng (VXM) M100; bố trí tầng lọc ngược bằng vải địa kỹ thuật và đá hộc xếp khang kích thước 0,4x1 m dọc theo chiều dài tường; cách 2 m bố trí 1 lỗ thoát nước bằng ống PVC D10 dài 1,25 m; bố trí khe phòng lún (2 lớp bao tải tấm nhựa đường) 7 m/khe.

5.2. Giải pháp thiết kế hệ thống cấp, thoát nước:

a) Hệ thống cấp nước: Nguồn nước được lấy từ mỏ nước hiện tại đang sử dụng, xây đập để thu nước. Nước được dẫn từ đập nước qua hệ thống đường ống cấp nước đến bể chứa nước, qua hệ thống dẫn nước đến từng nhà dân.

- Đập đầu mối:

+ Xây dựng đập đầu nguồn có thân đập bằng bê tông đá 2x4 M150, bọc bê tông cốt thép (BTCT) M250 đá 1x2.

+ Bể tiêu năng có tường, đáy bằng BTCT đá 1x2 M250.

+ Hồ thu nước bằng bê tông M200, đặt ống nhựa D42 xung quanh tường, phía ngoài tường xếp đá hộc.

- Đường ống: Sử dụng ống HDPE-PN10-PE100-DN90; trên tuyến ống đặt hệ thống van xả khí, van xả cạn.

- Bể chứa: Xây dựng bể chứa bằng BTCT kích thước 5,5x5,5x2,77 m; đáy, tường bằng BTCT đá 1x2 M250.

b) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước mưa:

+ Nước mưa từ các khu chức năng, các công trình trong toàn khu được thu gom bằng các tuyến rãnh thoát nước bố trí dọc theo tuyến đường giao thông.

+ Rãnh thoát nước: Bằng rãnh kín chữ nhật; thành rãnh xây gạch không nung VXM M75, đáy và nắp rãnh bằng bê tông đá 1x2 M200.

+ Hố ga: Nước mưa được thu tại các cửa thu đổ vào hố thu nước được nối với hệ thống rãnh dọc; thành hố ga xây gạch không nung VXM M75, đáy và nắp bằng tấm đan BTCT M250, đáy đệm đá dăm dày 10 cm.

- Thoát nước thải:

+ Đường ống thoát nước thải: Thoát nước thải bằng cống tròn D300 đặt trên gờ cống đúc sẵn. Ga thăm thu có tường thân bằng bê tông xi măng (BTXM) đá 1x2 M200, tấm đan bằng BTCT đá 1x2 M250 dày 12 cm bọc thép V50x50x5 mm, mũ mố bằng BTXM đá 1x2 M250 bọc thép V50x50x5 mm.

+ Bể lọc nước thải xây bằng gạch đặc không nung VXM M75 dày 22 cm, trát tường trong bằng VXM M100 dày 2 cm, đáy bể bằng BTCT đá 1x2 M200, lót móng bằng bê tông đá 4x6 M100 dày 10 cm, tấm đan bằng BTCT đá 1x2 M200.

5.3. Giải pháp thiết kế hệ thống điện:

- Nguồn điện được đầu nối từ tủ điện hạ thế trạm biến áp có sẵn trong khu vực.

- Điện chiếu sáng: Hệ thống chiếu sáng được xây dựng gồm 7 bóng đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời công suất 120W. Toàn bộ hệ thống chiếu sáng được lắp đặt trên các cột đường dây hạ thế.

- Hệ thống cấp điện cho các hộ dân: Nguồn điện được đầu nối lấy trực tiếp từ tủ hạ thế của trạm biến áp, dây dẫn sử dụng dây cáp vặn xoắn đi treo trên cột ly tâm L8.5 m. Trên cột lắp đặt các thanh xà chờ để lắp các tủ công tơ.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hưng Phát K.T.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.

8. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được sử dụng:

- Số bước thiết kế: 1 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo thông báo kết quả thẩm định số 7272/SXD-HĐXD ngày 20/10/2023 của Sở Xây dựng.

10. Tổng mức đầu tư:

2.923.899.000 đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng: 2.328.615.203 đồng;

Chi phí quản lý dự án: 49.985.852 đồng;

Chi phí tư vấn ĐTXD: 284.411.596 đồng;

Chi phí khác: 58.158.736 đồng;

Chi phí dự phòng: 202.727.268 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh; phần kinh phí giải phóng mặt bằng (nếu có) do ngân sách huyện Bá Thước chi trả.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Xây dựng tại thông báo kết quả thẩm định số 7272/SXD-HĐXD ngày 20/10/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng (Gxd)		2.153.819.908	174.795.295	2.328.615.203
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính		2.153.819.908	174.795.295	2.328.615.203
1.1.1	SAN NỀN	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	484.351.778	38.748.142	523.099.920
1.1.2	CẤP, THOÁT NƯỚC	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	1.203.656.691	98.782.238	1.302.438.929
1.1.3	CẤP ĐIỆN SINH HOẠT 0,4KV VÀ ĐIỆN CHIẾU SÁNG	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	465.811.439	37.264.915	503.076.354
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	Gxd trước thuế x 2,901% x 0,8	49.985.852		49.985.852
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)		262.468.754	21.942.842	284.411.596
3.1	Chi phí khảo sát địa hình		83.446.296	6.675.704	90.122.000
3.2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gxd trước thuế x 4,877%	105.041.797	8.403.344	113.445.141
3.3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Bảng 2.16 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gxd trước thuế x 0,197%	4.243.025	339.442	4.582.467
3.4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Bảng 2.17 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gxd trước thuế x 0,191%	4.113.796	329.104	4.442.900
3.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Dự toán gói thầu XD trước thuế x 0,388%	8.356.821	668.546	9.025.367
3.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Dự toán gói thầu XD trước thuế x 2,566%	55.267.019	5.526.702	60.793.721
3.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Dự toán gói thầu XD trước thuế x 0,05%	1.000.000		1.000.000
3.8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Dự toán gói thầu XD trước thuế x 0,05%	1.000.000		1.000.000

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
4	Chi phí khác (Gk)		55.217.670	2.941.066	58.158.736
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 50/2022/TT-BTC)	Gxd trước thuế x 0,3%	6.461.460	646.146	7.107.606
4.2	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	Tổng mức đầu tư x 0,019%	500.000		500.000
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x 0,57% x 0,5	8.516.305		8.516.305
4.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x 0,96%	28.686.501	2.294.920	30.981.421
4.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	Chi phí giám sát thi công xây dựng x 20%	11.053.404		11.053.404
5	Chi phí dự phòng		202.727.268		202.727.268
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	(Gxd+Gqlđ+Gtv+Gk) sau thuế x 5%	136.058.569		136.058.569
5.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	Theo bảng chi phí dự phòng trượt giá	66.668.699		66.668.699
	Tổng cộng		2.724.219.452	199.679.203	2.923.898.655
	Làm tròn				2.923.899.000